

VIETNAM'S FINAL MARKET ACCESS OFFER ON GOVERNMENT PROCUREMENT

SECTION A: Central Level of Government Entities

This Chapter applies to the entities of the central level of government listed in this Section where the value of the procurement is estimated to equal or exceed the following thresholds:

Goods and Services

- From the date of entry into force of this Agreement to the end of the 5th year after entry into force : SDR 1,500,000
- From the 6th year to the end of the 10th year after entry into force of this Agreement: SDR 1,000,000
- From the 11st year to the end of the 15th year after entry into force of this Agreement: SDR 500,000
- From the 16th year after entry into force of this Agreement: SDR 130,000

Construction

- From the date of entry into force of this Agreement to the end of the 5th year after entry into force : SDR 40,000,000
- From the 6th year to the end of the 10th year after entry into force of this Agreement: SDR 20,000,000
- From the 11st year to the end of the 15th year after entry into force of this Agreement: SDR 10,000,000
- From the 16th year after entry into force of this Agreement: SDR 5,000,000

List of Entities:

1. Bộ Tư pháp (Ministry of Justice)

- Vụ Pháp luật hình sự - hành chính (*Department of Criminal and Administrative Legislation*)
Vụ Pháp luật dân sự - kinh tế (*Department of Economic-Civil Legislation*)
Vụ Pháp luật quốc tế (*Department of International Law*)
Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật (*Department of Legal Dissemination and Education*)
Vụ Tổ chức cán bộ (*Department of Personnel and Organization*)
Thanh tra Bộ (*Ministry Inspectorate*)
Vụ Thi đua – Khen thưởng (*Department of Emulation and Commendation*)
Vụ Hợp tác quốc tế (*Department of International Cooperation*)
Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật (*Department of General Affairs on Legislative Development*)
Vụ Kế hoạch – Tài chính (*Department of Planning and Finance*)
Cục Bổ trợ tư pháp (*Agency of Judicial Support*)
Cục Trợ giúp pháp lý (*Agency of National Legal Aid*)
Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm (*Agency of National Registry of Secured Transactions*)
Cục Con nuôi (*Agency of Child Adoption*)

Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (Agency of Examination of Legal Normative Documents)

Cục Công nghệ thông tin (Agency of Information Technology)

Văn phòng Bộ (Ministry Office)

Cục bồi thường nhà nước (Agency of National Compensation)

Cục Công tác phía Nam (South Agency)

Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (Agency of Administrative Procedure Control)

Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực (Agency of Civil Status, Nationality and Authentication)

Tổng cục Thi hành án dân sự (Directorate of Civil Judgement Enforcement)

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Ministry of Planning and Investment)

Vụ Tổ chức cán bộ (Department of Personnel and Organization)

Vụ Pháp chế (Department of Legislation)

Thanh tra Bộ (Ministry Inspectorate)

Vụ Thi đua khen thưởng (Department of Emulation and Reward)

Vụ Hợp tác xã (Department of Cooperatives)

Vụ Tài chính tiền tệ (Finance and Monetary Department)

Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân (Department of National Economic Issues)

Vụ Kinh tế công nghiệp (Department of Industrial Economy)

Vụ Kinh tế nông nghiệp (Department of Agricultural Economy)

Vụ Kinh tế dịch vụ (Department of Service Economy)

Vụ Kết cấu hạ tầng và đô thị (Department of Infrastructure and Urban Centers)

Vụ Quản lý các khu kinh tế (Department of Economic Zones Management)

Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư (Department of Investment Supervision & Appraisal)

Vụ Quản lý quy hoạch (Department of Planning Management)

Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ (Department of Local and Territorial Economy)

Vụ Kinh tế đối ngoại (Foreign Economic Relations Department)

Vụ Lao động, Văn hóa, Xã hội (Department of Labor, Culture and Social Affairs)

Vụ Khoa học, Giáo dục, Tài nguyên và Môi trường (Department of Science, Education, Natural Resources and Environment)

Cục Quản lý đấu thầu (Public Procurement Agency)

Cục Phát triển doanh nghiệp (Enterprise Development Agency)

Cục Đầu tư nước ngoài (Foreign Investment Agency)

Cục Quản lý đăng ký kinh doanh (Business Registration Management Agency)

Văn phòng Bộ, kể cả các VPĐD ở Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng (Ministry Office, including Representative Office in HoChiMinh and DaNang city)

Tổng cục Thống kê (General Statistics Office)

Vụ Quốc phòng – An ninh (National Defense - Security Department)

3. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (Ministry of Labour, Invalids and Social Affairs)

Vụ Tổ chức cán bộ (Department of Personnel and Organization)

Vụ Pháp chế (Department of Legal Affairs)

Thanh tra Bộ (Ministry Inspectorate)
Vụ Bảo hiểm xã hội (Department of Social Insurance)
Vụ Bình đẳng giới (Department of Gender Equality)
Vụ Lao động – Tiền lương (Department of Labour-Salary)
Vụ Hợp tác quốc tế (Department of International Cooperation)
Cục Quản lý lao động ngoài nước (Agency of Overseas Labour)
Cục An toàn lao động (Agency of Occupational Safety and Health)
Cục Việc làm (Agency of Employment)
Cục Bảo vệ, chăm sóc trẻ em (Agency of Children Protection and Care)
Vụ Kế hoạch – Tài chính (Department of Planning – Finance)
Cục Người có công (Agency of the People with Special Contributions to the Country)
Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội (Agency of Social Evil Prevention)
Cục Bảo trợ xã hội (Agency of Social Protection)
Văn phòng Bộ (Ministry Office)
Tổng Cục dạy nghề (Directorate of Vocational Training)

4. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Ministry of Culture, Sports and Tourism)

Vụ Tổ chức cán bộ (Department of Personnel and Organization)
Vụ Pháp chế (Department of Legislation)
Thanh tra Bộ (Ministry Inspectorate)
Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (Department of Science, Technology and Environment)
Cục Hợp tác quốc tế (Agency of International Cooperation)
Cục Di sản văn hóa (Agency of Cultural Heritage)
Vụ Đào tạo (Department of Training Management)
Tổng cục Du lịch (Vietnam National Administration of Tourism)
Vụ Thi đua khen thưởng (Department of Emulation and Reward)
Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm (Agency of Art, Photography and Exhibition)
Vụ Gia đình (Department of Family)
Vụ Văn hóa dân tộc (Department of Ethnic Culture)
Vụ Thư viện (Department of Library)
Vụ Kế hoạch – Tài chính (Department of Planning and Finance)
Văn phòng Bộ kể cả Văn phòng đại diện ở Đà Nẵng (Ministry Office, including Representative Office in DaNang city)
Cục Công tác phía Nam (South Agency)
Cục Nghệ thuật biểu diễn (Agency of Performing Arts)
Cục Điện ảnh (Cinema Agency)
Cục Bản quyền tác giả (Agency of Copyright)
Cục Văn hóa cơ sở (Agency of Grassroots Culture)
Tổng cục Thể dục thể thao (Directorate of Physical Training and Sports)
Ban Quản lý Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam (Management Unit of the Culture and Tourism Village of Vietnamese Ethnics)

5. Bộ Khoa học và Công nghệ (Ministry of Science and Technology)

Vụ Tổ chức cán bộ (Department of Personnel and Organization)

Vụ Pháp chế (Department of Legislation)

Thanh tra Bộ (Ministry Inspectorate)

Vụ Hợp tác quốc tế (Department of International Cooperation)

Vụ Khoa học xã hội và Tự nhiên (Department of Social and Natural Sciences)

Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành Kinh tế - Kỹ thuật (Department of Science and Technology for Economic Technical Branches)

Vụ Công nghệ cao (Department of High Technology)

Vụ Đánh giá, Thẩm định và Giám định công nghệ (Department of Technology Appraisal, Examination and Assessment)

Vụ Kế hoạch – Tổng hợp (Department of Planning-General Affairs)

Vụ Tài chính (Department of Finance)

Cục Ứng dụng và phát triển công nghệ (Technology Application and Development Agency)

Cục Sở hữu trí tuệ (National Office of Intellectual Property of Vietnam)

Văn phòng Bộ (Ministry Office)

Cục Công tác phía Nam (South Agency)Tổng Cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng (Directorate of Standards and Quality)

Vụ Thi đua - Khen thưởng (Department of Emulation and Reward)

Vụ Phát triển khoa học và công nghệ địa phương (Department of Local Science and Technology Development)

Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ (National Agency for Technology Entrepreneurship and Commercialization Development)

Cục Thông tin khoa học và Công nghệ quốc gia (National Agency for Scientific and Technological Information)

Cục An toàn bức xạ và Hạt nhân (Vietnam Agency for Radiation and Nuclear Safety and Control)

Cục Năng lượng nguyên tử (Vietnam Atomic Energy Commission)

Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc (The Management Board of Hoa Lac Hi-Tech Park)

6. Bộ Tài chính (Ministry of Finance)

Cục Quản lý giá (Agency of Price Control)

Cục Tài chính Doanh nghiệp (Agency of Corporate Finance)

Cục Quản lý Nợ và Tài chính đối ngoại (Agency of Debt Management and External Finance)

Cục Quản lý Công sản (Agency of Public Asset Management)

Vụ Ngân sách nhà nước (Department of State Budget)

Vụ Đầu tư (Department of Investment)

Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp (Department of Public Expenditure)

Vụ Chính sách thuế (Department of Tax Policy)

Vụ Tài chính các Ngân hàng và tổ chức tài chính (Department of Banking and Financial Institutions)

Vụ Chế độ kế toán và kiểm toán (Department of Accounting and Auditing Regulations)

Vụ Hợp tác quốc tế (Department of International Cooperation)

Vụ Pháp chế (Department of Legislation)

Vụ Tổ chức cán bộ (Department of Personnel and training)

Vụ Thi đua - Khen thưởng (Department of Emulation and Commendation)

Thanh tra Bộ (Ministry Inspectorate)

Cục Quản lý và giám sát Bảo hiểm (Insurance Supervisory Agency)

Cục Kế hoạch tài chính (Agency of Planning and Finance)

Văn phòng Bộ, kể cả Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh (Ministry Office, including Representative Office in HoChiMinh city)

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (State Securities Commission)

Vụ I (Vụ Tài chính, Quốc phòng, An ninh đặc biệt) (Department of Finance for National Defense and Security)

Tổng cục dự trữ nhà nước (General Department of State Reserves)

7. Bộ Xây dựng (Ministry of Construction)

Vụ Hợp tác quốc tế (International Cooperation Department)

Vụ Khoa học công nghệ và môi trường (Department of Science, Technology and Environment)

Vụ Tổ chức cán bộ (Department of Personnel and Organization)

Vụ Pháp chế (Department of Legislation)

Vụ Quy hoạch – kiến trúc (Department of Architecture and Construction Planning)

Thanh tra Bộ (Ministry Inspector)

Vụ Kinh tế xây dựng (Department of Construction Economics)

Cục Phát triển đô thị (Urban Development Agency)

Vụ Vật liệu xây dựng (Department of Building Materials)

Vụ Kế hoạch tài chính (Department of Planning and Finance)

Cục Quản lý hoạt động xây dựng (Agency of Construction Activity Management)

Cục Hạ tầng kỹ thuật (Agency of Technical – Infrastructure)

Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng (State Agency of Construction Quality Inspection)

Cục Quản lý nhà và thị trường Bất động sản (Management Agency for Housing and Real-estate Market)

Vụ Quản lý doanh nghiệp (Enterprises Management Department)

Văn phòng Bộ (Ministry Office)

Cục công tác phía Nam (South Agency)

8. Bộ Thông tin và Truyền thông (Ministry of Information and Communications)

Vụ Bưu chính (Department of Posts)

Vụ Công nghệ thông tin (Department of Information Technology)

Vụ Khoa học và Công nghệ (Department of Science and Technology)

Vụ Hợp tác quốc tế (Department of International Cooperation)
Vụ Pháp chế (Department of Legislation)
Vụ Tổ chức cán bộ (Department of Personnel and Organization)
Vụ Kế hoạch - Tài chính (Department of Planning and Finance)
Thanh tra Bộ (Ministry Inspectorate)
Văn phòng Bộ, kể cả Văn phòng đại diện tại Đà Nẵng (Ministry Office, including Representative Office in Da nang city)
Cục Tần số vô tuyến điện (Agency of Radio Frequency Management)
Cục Viễn thông (Agency of Telecommunications)
Cục Tin học hóa (Computerization Agency)
Cục Báo chí (Agency of Press)
Cục Xuất bản, In và Phát hành (Agency of Publication, Print and release)
Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Agency of Broadcasting and Electronic Information)
Cục Công tác phía Nam (South Agency)
Vụ Quản lý doanh nghiệp (Enterprises Management Department)
Vụ Thi đua khen thưởng (Department of Emulation and Reward)
Vụ Thông tin cơ sở (Department of Fundamental Information)

9. Bảo hiểm Xã hội Việt Nam (Vietnam Social Security)

Văn phòng, bao gồm VPDD tại TP. Hồ Chí Minh (Administration Office, including Representative Office in HoChiMinh city)
Ban Thực hiện chính sách Bảo hiểm xã hội (Department of Implementation of Social Security Policies)
Ban Thực hiện chính sách Bảo hiểm y tế (Department of Implementation of Health Insurance Policies)
Ban Sổ, Thẻ (Department of Issuance of Books and Cards)
Ban Tuyên truyền (Department of Propaganda)
Ban Hợp tác quốc tế (Department of International Cooperation)
Ban Thi đua – Khen thưởng (Department of Emulation and Reward)
Ban Pháp chế (Department of Legislation)
Ban Tổ chức cán bộ (Department of Personnel and Organization)
Ban Thu (Department of Money Collection)
Ban Tài chính – Kế toán (Department of Finance and Accounting)
Ban Kế hoạch và Đầu tư (Department of Planning and Investment)
Ban Dược và Vật tư y tế (Department of Pharmaceuticals)
Ban Đầu tư quỹ (Department of Fund Investment and Management)
Ban Kiểm tra (Department of Inspection)
Ban Kiểm toán nội bộ (Department of Internal Audit)

10. Thanh tra Chính phủ (Government Inspectorate)

Vụ Tổ chức Cán bộ (Department of Personnel and Organization)
Vụ Pháp chế (Department of Legislation)

Vụ Hợp tác Quốc tế (Department of International Cooperation)

Vụ thanh tra khối kinh tế ngành (Vụ I) (Department of sector-based Economic Inspection (Dep.I))

Vụ thanh tra khối nội chính và kinh tế tổng hợp (Vụ II) (Department of Internal Affairs and General Economic Inspection (Dep.II))

Vụ thanh tra khối văn hóa xã hội (Vụ III) (Department of Socio-Cultural Inspection (Dep.III))

Cục giải quyết khiếu nại tố cáo và thanh tra khu vực 1 (Cục I) (Agency for Settlement of Complaints-Denunciations and Inspection for region 1 (Agency I))

Cục giải quyết khiếu nại tố cáo và thanh tra khu vực 2 (Cục II) (Agency for Settlement of Complaints-Denunciations and Inspection for region 2 (Agency II))

Cục giải quyết khiếu nại tố cáo và thanh tra khu vực 3 (Cục III) (Agency for Settlement of Complaints-Denunciations and Inspection for region 3 (Agency III))

Cục chống tham nhũng (Cục IV) (Anti -corruption Agency (Agency IV))

Văn phòng, kể cả Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh (Ministry Office, including Representative Offices in HoChiMinh city)

Vụ tiếp dân và xử lý đơn thư (Department of Citizen Reception and Complaint and Denunciation Handling)

Vụ giám sát, thẩm định và xử lý sau thanh tra (Department of Post-Inspection Supervision, Evaluation and Handling)

Vụ Kế hoạch, Tài chính và Tổng hợp (Department of Planning, Finance and General Affairs)

11. Bộ Công Thương (Ministry of Industry and Trade)

Vụ Kế hoạch (Planning Department)

Vụ Tổ chức cán bộ (Organization and Personnel Department)

Vụ Pháp chế (Legal Affairs Department)

Vụ Hợp tác quốc tế (International Cooperation Department)

Thanh tra Bộ (Ministry Inspectorate)

Vụ Khoa học và Công nghệ (Science and Technology Department)

Vụ Công nghiệp nặng (Heavy Industry Department)

Tổng cục năng lượng (Directorate of Energy)

Vụ Công nghiệp nhẹ (Light Industry Department)

Cục Xuất nhập khẩu (Export-Import Department)

Vụ Thị trường trong nước (Domestic Market Department)

Vụ Thương mại biên giới và miền núi (Mountainous and Frontier Trade Department)

Vụ Thị trường châu Á - Thái Bình Dương (Asia-Pacific Market Department (Zone I Department))

Vụ Thị trường châu Âu (Europe Market Department (Zone II Department))

Vụ Thị trường châu Mỹ (America Market Department (Zone III Department))

Vụ Thị trường châu Phi, Tây Á, Nam Á (Africa, Western and South Asia Markets Department (Zone IV Department))

Vụ Chính sách thương mại đa双边 (Multilateral Trade Policy Department)

Vụ Thi đua - Khen thưởng (Remuneration and Rewards Department)

Vụ Tài chính (Finance Department)

Cục Điều tiết điện lực (Electricity Regulatory Agency)
Cục Quản lý cạnh tranh (Competition Agency)
Cục Quản lý thị trường (Market Surveillance Agency)
Cục Xúc tiến thương mại (Trade Promotion Agency)
Cục Công nghiệp địa phương (Agency for Industrial Promotion)
Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp (Industrial Safety Techniques and Environment Agency)
Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin (Vietnam E-Commerce and Information Technology Agency)
Cục Hóa chất (Chemicals Agency)
Cục Công tác phía nam (South Agency)
Vụ Phát triển nguồn nhân lực (Human Resource Development Department)
Văn phòng Bộ, kể cả Văn phòng đại diện tại Đà Nẵng (Ministry Office, including Representative Offices in DaNang city)

12. Bộ Y tế (Ministry of Health)

Vụ Tổ chức cán bộ (Department of Personnel and Organization)
Vụ Pháp chế (Department of Legislation)
Thanh tra Bộ (Ministry Inspectorate)
Vụ Hợp tác quốc tế (Department of International Cooperation)
Vụ Bảo hiểm y tế (Department of Health Insurance)
Vụ Sức khỏe Bà mẹ – Trẻ em (Department of Children - Mother Health)
Cục Quản lý Y Dược cổ truyền (Agency of Administration of Traditional Medicine)
Vụ Trang thiết bị và Công trình y tế (Department of Health Equipment and Works)
Vụ Kế hoạch – Tài chính (Department of Planning and Finance)
Văn phòng Bộ, kể cả Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh (Ministry' Office, including Representative Offices in HoChiMinh city)
Cục Y tế dự phòng (Department of Preventive Medicine)
Cục Phòng, chống HIV/AIDS (HIV/AIDS Prevention Agency)
Cục Quản lý khám, chữa bệnh (Agency of Health Examination and Treatment)
Cục An toàn thực phẩm (Agency of Food Safety)
Tổng cục Dân số – Kế hoạch hóa gia đình (Directorate of Population Family Planning)
Vụ truyền thông và Thi đua-Khen thưởng (Department of Communicatio and Emulation)
Cục Quản lý dược (Drug Administration of Vietnam)
Cục Công nghệ thông tin (Agency of Information Technology)
Cục Quản lý môi trường Y tế (Agency of Administration of Environmental Health)
Cục Khoa học công nghệ & Đào tạo (Agency of Science, Technology & Training)

13. Bộ Tài nguyên và Môi trường (Ministry of Natural Resources and Environment)

Vụ Pháp chế (Department of Legislation)
Vụ Tài chính (Department of Finance)
Vụ Tổ chức cán bộ (Department of Personnel and Organization)

Vụ Hợp tác quốc tế (Department of International Cooperation)
Vụ Thi đua khen thưởng và tuyên truyền (Department of Emulation, Commendation and Propaganda)
Thanh tra Bộ (Ministry Inspectorate)
Vụ Kế hoạch (Department of Planning)
Vụ Khoa học và Công nghệ (Department of Science and Technology)
Tổng cục Quản lý đất đai (Directorate of Land Administration)
Cục Tài Quản lý tài nguyên nước (Agency of Water Resources Management)
Cục Khí tượng thủy văn và Biển đổi khí hậu (Agency of Meteorology, Hydrography and Climate Changes)
Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam (Agency of Survey and Mapping)
Văn phòng Bộ, bao gồm cả Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh (Ministry Office, including Representative Office in HoChiMinh city)
Tổng cục Môi trường (Directorate of Environment)
Cục Công nghệ và Thông tin (Agency of Technology and Information)
Tổng cục Địa chất và Khoáng sản (Directorate of Geology and Minerals of Vietnam)

14. Bộ Giáo dục và Đào tạo (Ministry of Training and Education)

Thanh tra Bộ (Ministry Inspectorate)
Vụ Pháp chế (Department of Legislation)
Vụ Tổ chức cán bộ (Department of Personnel and Organisation)
Vụ Giáo dục Mầm non (Department of Pre-school Education)
Vụ Giáo dục Tiểu học (Department of Primary Education)
Vụ Giáo dục Trung học (Department of Secondary Education)
Vụ Giáo dục Chuyên nghiệp (Department of Professional Education)
Vụ Giáo dục Đại học (Department of Higher Education)
Vụ Giáo dục Dân tộc (Department of Ethnic Minorities Education)
Vụ Giáo dục Thường xuyên (Department of Continuing Education)
Vụ Công tác học sinh, sinh viên (Department of Student Affairs)
Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường (Department of Science, Technology and Environment)
Vụ Hợp tác Quốc tế (Department of International Cooperation)
Vụ Kế hoạch - Tài chính (Department of Planning and Finance)
Cơ quan đại diện của Bộ tại Thành phố Hồ Chí Minh (Ministry's Representative Office in Ho Chi Minh City)
Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục (Agency of Testing and Education Administrators)
Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục (Agency of Teachers and Education Administrators)
Cục Công nghệ thông tin (Agency of Information Technology)
Cục Cơ sở vật chất và Thiết bị trường học, đồ chơi trẻ em (Agency of Education Facilities and Children' Toys)
Cục Đào tạo với nước ngoài (International Education Agency)

Văn phòng Bộ (Ministry Office)
Vụ Giáo dục Quốc phòng (Department of National Defense)

15. Bộ Nội vụ (Ministry of Home Affairs)

Vụ Tổ chức cán bộ (Department of Personnel and Organization)
Vụ Tổ chức - Biên chế (Organization and Personnel Administration)
Vụ Tiền lương (Salary Department)
Vụ Công chức - Viên chức (Department of State Employees and Servants)
Vụ Chính quyền địa phương (Local Administration Department)
Vụ Hợp tác quốc tế (International Cooperation Department)
Vụ Tổ chức phi chính phủ (Department of Non-Government Organization)
Vụ Cải cách hành chính (Administrative Reform Department)
Vụ Đào tạo, Bồi dưỡng cán bộ công chức (Department of Training and Fostering of State Officials)
Vụ Pháp chế (Department of Legislation)
Vụ Tổng hợp (General Department)
Thanh tra Bộ (Ministry Inspectorate)
Văn phòng Bộ, kể cả Văn phòng đại diện tại Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh (Ministry Office, including Representative Offices in Da nang and HoChiMinh city)
Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước (State Records Management and Archives Agency)
Ban Tôn giáo Chính phủ (Government Committee for Religious Affairs)
Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương (Central Committee of Emulation and Commendation)
Vụ Kế hoạch - Tài chính (Department of Planning – Finance)
Vụ Công tác thanh niên (Department of Youth Affairs)

16. Bộ Ngoại giao (Ministry of Foreign Affairs)

Vụ ASEAN (ASEAN Department)
Vụ Đông Nam Á - Nam Á - Nam Thái Bình Dương (South East Asia-South Asia-South Pacific Department)
Vụ Đông Bắc Á (North East Asia Department)
Vụ Châu Âu (Europe Department)
Vụ Châu Mỹ (America Department)
Vụ Tây Á - Châu Phi (West Asia - Africa Department)
Vụ Chính sách Đối ngoại (Policy planning Department)
Vụ các Tổ chức Quốc tế (International Organizations Department)
Vụ Luật pháp và Điều ước Quốc tế (Law and International Treaty Department)
Vụ Hợp tác Kinh tế Quốc tế (Department of Multilateral Economic Cooperation)
Vụ Tổng hợp Kinh tế (Economic Department)
Vụ Văn hóa Đối ngoại và UNESCO (External Culture and UNESCO Department)
Vụ Thông tin Báo chí (Press and Information Department)
Vụ Tổ chức Cán bộ (Personnel and Organization Department)

Thanh tra Bộ (Ministry Inspectorate)
Văn phòng Bộ (Ministry Office)
Cục Lãnh sự (Consular Agency)
Cục Lễ tân Nhà nước (State Protocol Agency)
Cục Quản trị Tài vụ (Administrative and Financial Agency)
Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài (State Commission on Overseas Vietnamese)
Sở Ngoại vụ thành phố Hồ Chí Minh (Hochiminh City's Department of External Relations)
Vụ Thi đua – khen thưởng và Truyền thống ngoại giao (Department of Emulation, Rewards and Diplomatic Tradition)

17. Ủy ban Dân tộc (Committee on Ethnic Minority Affairs)

Vụ Tổ chức cán bộ (Department of Personnel and Organization)
Vụ Pháp chế (Department of Legislation)
Thanh tra (Inspectorate)
Vụ Chính sách dân tộc (Department of Policies on Ethnic Minority)
Vụ Địa phương I (Department of Locality No.I)
Vụ Địa phương II (Department of Locality No.II)
Vụ Địa phương III (Department of Locality No.III)
Vụ Tuyên truyền (Department of Propaganda)
Vụ Hợp tác quốc tế (Department of International Cooperation)
Vụ Tổng hợp (Department of General Affairs)
Vụ Kế hoạch - Tài chính (Department of Planning and Finance)
Văn phòng (Ministry Office)
Vụ dân tộc thiểu số (Department of Ethnic Minorities)

18. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Ministry of Agriculture and Rural Development)

Vụ Hợp tác quốc tế (International Cooperation Department)
Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (Department of Sciences, Technology and Environment)
Vụ Kế hoạch (Department of Planning)
Vụ Tài chính (Department of Finance)
Vụ Tổ chức cán bộ (Department of Personnel and Organization)
Vụ Pháp chế (Department of Legislation)
Thanh tra Bộ (Ministry Inspectorate)
Cục Chăn nuôi (Agency of Livestock)
Cục Trồng trọt (Agency of Crop Production)
Cục Chế biến, nông lâm thủy sản và nghề muối (Agency of Processing for Agro-forestry-Fisheries Products and Salt Production)
Văn phòng Bộ (Ministry Office)
Cục Bảo vệ thực vật (Agency of Plant Protection)
Tổng cục Thủy lợi (Water Resources Directorate)

Tổng cục Lâm nghiệp (Directorate of Forest)
Tổng cục Thủy sản (Directorate of Fisheries)
Cục Thú y (Agency of Animal Health)
Cục Quản lý xây dựng công trình (Agency of Construction Management)
Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Agency of Cooperatives and Rural Development)
Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (National Agro-Forestry-Fisheries Quality Assurance Agency)
Vụ Quản lý doanh nghiệp (Department of Enterprise Management)

19. Bộ Giao thông Vận tải (Ministry of Transportation)

Vụ Pháp chế (Department of Legislation)
Vụ Tổ chức cán bộ (Department of Personnel and Organization)
Vụ Vận tải (Department of Transportation)
Vụ Môi trường (Department of Environment)
Vụ Hợp tác quốc tế (Department of International Cooperation)
Vụ An toàn giao thông (Department of Traffic Safety)
Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông (Department of Transport Infrastructure)
Vụ Khoa học - Công nghệ (Department of Science and Technology)
Vụ Tài chính (Department of Finance)
Vụ Kế hoạch - Đầu tư (Department of Planning and Investment)
Vụ quản lý doanh nghiệp (Department of Enterprises Management)
Thanh tra Bộ (Ministry Inspectorate)
Văn phòng Bộ (Ministry Office)
Cục Quản lý xây dựng và Chất lượng công trình giao thông (Transport Engineering Construction and Quality Management Agency)
Cục Đăng kiểm Việt Nam (Vietnam Register Agency)
Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (Vietnam Inland Waterways Agency)
Cục Hàng hải Việt Nam (Vietnam Maritime Agency)
Cục Đường sắt Việt Nam (Vietnam Railway Agency)
Cục Hàng không Việt Nam (Civil Aviation)
Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Directorate for Roads of Vietnam)
Cục Y tế Giao thông vận tải (Transport Health Service Administration)

20. Bộ Quốc phòng (Ministry of National Defence)

Cục Kinh tế (Department of Economics)
Cục Cứu hộ - Cứu nạn (Rescue Department)

Notes to Section A:

1. This Chapter shall apply only to the procurement made by the above-mentioned entities subordinate to the relevant ministries which are listed in this Section and their administrative subordinate agencies at central level.

2. Vietnam Social Security: For greater certainty, this Chapter shall not cover any procurement of investment management, investment advisory, or master custody and safekeeping services for the purposes of managing and investing the assets of superannuation funds of Vietnam Social Security.

3. Ministry of Labour, Invalids and Social Affairs: This Chapter shall not apply to any procurement of goods and services involving martyrs' cemetery.

4. Ministry of Agriculture and Rural Development: This Chapter shall not apply to procurement of any goods for breeding and seeds purposes.

5. Ministry of National Defense

a) *This Chapter covers only the goods described as below:*

- Tyres used on light trucks (Maximum payload capacity from 410 kg to 3050 kg, external diameter from 475 mm to 972 mm), on specialty motor cars (Maximum payload capacity from 2937 kg to 61500 kg, external diameter from 1220 mm to 3045 mm), on heavy trucks (Maximum payload capacity from 4770 kg to 5525 kg, external diameter from 1020 mm to 1230 mm)
- Inner tubes used on motor cars (Sectional diameter from 104 mm to 236 mm, inside diameter from 305 mm to 605 mm), on bicycles (as stipulated in TC 03-2002/CA), on motorcycles (as stipulated in TCVN 5721-1, JIS6367, DOT, SN1)
- Leather products used on motor cars
- Elastic belts of all kinds (80 mm wide and 500 m long)
- Cast-iron pipes and accessories (Gray cast iron, ductile cast iron: Common kinds with diameter from 100-800mm suitable to ISO 2531:1998 national standard)
- Antenna pillars (Stay cables of a triangle cross-section of 330 with a height of 21-45 m; stay cables of a triangle cross-section of 660 with a height of 36-66 m; stay cables of a triangle cross-section of 800 with a height of 60-100 m; stay cables of a circle cross-section with a height of 15 m; mobile cable ties - of a height of 10 m) and all kinds of metallic scaffolds, support pillars and shuttering (Of common kind)
- Spiral screws
- Chimneys
- Equipment for production of baked bricks of all kinds (Of an output of up to 20 million bricks/year)
- Equipment for production of pure ice (Parameters of big machines: ice cube size of 48 x 80 mm, an output of 9-10 tons/24h, 400 kg/batch, power consumption level of 0.085 kwh/kg of ice, the compressor's output of 50 HP)
- Sterilizing autoclaves (Of types of 20, 52 and 75 litres)
- Industrial water filters (Of an output of 6 tons/h, electric capacity of 25 kw)
- Winches, operated by electric motor (Of a lifting capacity of up to 50 tons)
- Dot matrix printers
- Washing machines of all kinds (Including kinds with automatic dryers)
- Cash registers
- Showers (Used for baffle separator in kitchen: Q030JGEV, Q030JGV, Q030JGEVQ01)
- Tube plate acid lead battery (Special-used for forklift trucks operated by electricity: capacity of between 2V-100 Ah and 2V-1000 Ah; Special-used for trams in golf yards, railway stations, ports; capacity of 6V-225Ah, 8V-195Ah; 12V-130Ah)
- Headlights for car, Headlights for 1-ton – capacity - under – truck, Wipers for automobile,

- Horn for automobile
- Post office boxes
- Webcam
- Two-wheels bicycles and other pedal-powered cycles (Including three-wheel cargo pedicabs)
- Exhaust pipes of motorcycles, Grip handle at back of motorcycles, Before and back dampings for motorcycles
- One-phase and three-phase electric meters (U of up to 380V, I of up to 100A), One-phase and three-phase electronic meters, Single-phase electronic meters (Degree of accuracy 1.0: normalized voltage (Un): 220 VAC, rated current (Ib):5A, 10A, 20A, 30A, 50A: maximum current (Imax): 20A, 40A, 60A, 80A, 100A, starting current (Ist)< 0.4%Ib; working frequency: 50Hz; meter constant: 1600 impulse/kwh),
- Composite protection boxes of electricity meters,
- Composite boxes of electricity meters
- Testing apparatus for meter (12 – position single phase; 40 – position single phase)
- Alarm-clocks
- Wall clocks (Electrically operated)
- Warning signs made of fluorescent reflection aluminium (For autos, motors, traffic signs)
- Rubber sticks, Electric sticks of all kinds, Pepper spray (type of 500 ml, 2000 ml)
- Cane or beet sugar and sucrose (chemically pure, in solid form), Raw sugar not containing added flavoring or coloring matter and Others
- Vinegar
- Table Salt
- Lime
- Pure copper ore (18-20% Cu)
- Monosodium glutamate
- Printing inks of all kinds (used to print identification)
- Newsprint, in rolls or sheets (Of a standard weight of 42-55 g/m²)
- Uncoated paper and paperboard, of a kind used for printing, writing or photocopying, card-making, punch tape paper or waxed base for manufacture of technical paper (Of a standard weight of 40-120 g/m². Excluding those under subheadings of: 4802.51.20, 4802.60.20, 4802.30.00, 4802.40.00, 4802.20.00)
- Paper shoe insoles (For lining shoes)
- Three-ply, five-ply cartons
- Cotton and polyester shoelaces
- Inners of vacuum flasks
- Electrostatic-painted steel protection boxes of electric meter (For electric grid works)
- Accessories of motorbike and bicycle
- Composite meter protection box (For electric grid works; type of 01 meter, single phase; type of 02 meters, single phase; type of 04 meters, single phase, type of 01 meter, 03 phases)
- HDPE plastic water tubes (Type of φ 20-110mm, with low heat-transfer coefficient, resisting sunlight, not be ionized under ultraviolet ray, resisting the low temperature of -

40°C), PPR plastic water tubes (Type of φ 20-90mm, resisting high temperature and pressure, high durability, good bending resistance, not causing noise and vibration when water flow going pass)

- Plastic doors, Plastic doors with steel core produced from shaped uPVC bar (Manufactured synchronously from components such as shaped door frame, glassy box, and washer. Having sound insulating, heat insulating property and resisting high pressure; energy saving)
- Mirror glass (Of a thickness of between 1.5 - 18mm)
- Hot and cold showers (Type of 02 water-flows used for restroom), Cold bathroom showers (Type of 01 water-flow used for restroom), Hot and cold lavatory faucets (Type of 02 water-flows used for restroom), Cold faucets (Type of 01 water-flow used for restrooms), Cold tap to wash up dishes (Type of 02 water-flows used for kitchen room), Pond faucet (Type of 02 water-flows used for washing hands)
- Electric lamp of all kinds (Filament lamps of common type; Compact lamps of 2U, 3U, capacity of 5-20W; FHF Fluorescents, capacity of 32W, FLD Fluorescents, capacity of 18W and 36W)
- Paper-made packaging of software products
- Boxes and covers protecting objects carrying information
- Paper-made labels of electronic products

b) This Chapter covers only the services described in the United Nation Provisional Central Product Classification as below:

CPC	Description
61120	Maintenance and repair services of motor vehicles (except for services involving engine overhaul)
612	Sale, maintenance and repair services of motorcycles and snowmobiles; sales of related parts and accessories (offer only the services involving maintenance and repair services of motor vehicles under CPC 612)
87401	Disinfecting and exterminating services
87504	Restoration, copying and retouching services of photography
87501	Portrait photography services
51520	Water well drilling (except for installation and repair work of piping systems within buildings)

SECTION B: **Sub-Central level of Government Entities**

This Chapter applies to the entities listed in this Section where the value of the procurement is estimated to equal or exceed the following thresholds:

Goods and Services

- From the date of entry into force of this Agreement to the end of the 5th year after entry into force : SDR 3,000,000
- From the 6th year to the end of the 10th year after entry into force of this Agreement: SDR 2,000,000
- From the 11st year to the end of the 15th year after entry into force of this Agreement: SDR 1,500,000
- From the 16th year after entry into force of this Agreement: SDR 1,000,000

Construction

- From the date of entry into force of this Agreement to the end of the 5th year after entry into force : SDR 40,000,000
- From the 6th year to the end of the 10th year after entry into force of this Agreement: SDR 25,000,000
- From the 11st year to the end of the 15th year after entry into force of this Agreement: SDR 20,000,000
- From the 16th year after entry into force of this Agreement: SDR 15,000,000

List of Entities:

1. Thành phố Hà Nội (Hanoi City)

- Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố (Ha Noi City People's Committee Office)*
Sở Thông tin và Truyền thông (Department of Information and Communications)
Sở Nội vụ (Department of Home Affairs)
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Department of Agriculture and Rural Development)
Sở Công Thương (Department of Industry and Trade)
Sở Kế hoạch và Đầu tư (Department of Planning and Investment)
Sở Tài chính (Department of Finance)
Sở Xây dựng (Department of Construction)
Sở Giao thông vận tải (Department of Transport)
Sở Khoa học và Công nghệ (Department of Science and Technology)
Sở Lao động, Thương binh và Xã hội (Department of Labour, Invalids and Social Affairs)
Sở Giáo dục và Đào tạo (Department of Education and Training)
Sở Y tế (Department of Health)
Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch (Department of Culture, Sports and Tourism)
Sở Tư pháp (Department of Justice)
Sở Ngoại vụ (Department of Foreign Affairs)
Sở Tài nguyên và Môi trường (Department of Natural Resources and Environment)
Sở Quy hoạch và Kiến trúc (Department of Planning and Architecture)

2. Thành phố Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh City)

Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố (Ho Chi Minh City People's Committee Office)

Sở Thông tin và Truyền thông (Department of Information and Communications)

Sở Nội vụ (Department of Home Affairs)

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Department of Agriculture and Rural Development)

Sở Công Thương (Department of Industry and Trade)

Sở Kế hoạch và Đầu tư (Department of Planning and Investment)

Sở Tài chính (Department of Finance)

Sở Xây dựng (Department of Construction)

Sở Giao thông vận tải (Department of Transport)

Sở Khoa học và Công nghệ (Department of Science and Technology)

Sở Lao động, Thương binh và Xã hội (Department of Labour, Invalids and Social Affairs)

Sở Giáo dục và Đào tạo (Department of Education and Training)

Sở Y tế (Department of Health)

Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch (Department of Culture, Sports and Tourism)

Sở Tư pháp (Department of Justice)

Sở Tài nguyên và Môi trường (Department of Natural Resources and Environment)

Sở Quy hoạch và Kiến trúc (Department of Planning and Architecture)

Notes to Section B:

1. This Chapter shall apply only to the procurement made by the administrative entities subordinate to the relevant procuring entities which are listed in this Section and their administrative subordinate agencies;
2. This Chapter does not apply to procurement of site formation, clearance work service and infrastructure maintenance and repair service;
3. Department of Labour, Invalids and Social Affairs: This Chapter shall not apply to any procurement of goods and services involving martyrs' cemetery;

SECTION C: Other covered entities

This Chapter applies to the entities listed in this Section where the value of the procurement is estimated to equal or exceed the following thresholds:

Goods and Services- From the date of entry into force of this Agreement to the end of the 5th year after entry into force: SDR 3,000,000

- From the 6th year to the end of the 10th year after entry into force of this Agreement: SDR 2,000,000

- From the 11st year to the end of the 15th year after entry into force of this Agreement: SDR 1,500,000

- From the 16th year after entry into force of this Agreement: SDR 1,000,000

Construction

- From the date of entry into force of this Agreement to the end of the 5th year after entry into force: SDR 40,000,000

- From the 6th year to the end of the 10th year after entry into force of this Agreement: SDR 25,000,000

- From the 11st year to the end of the 15th year after entry into force of this Agreement: SDR 20,000,000

- From the 16th year after entry into force of this Agreement: SDR 15,000,000

List of Entities:

1. Thông tấn xã Việt Nam (Vietnam News Agency)

Ban Tổ chức cán bộ (Personnel and Organization Board)

Ban Kiểm tra (Board of Inspection)

Ban Thư ký biên tập (Editor Board)

Ban Kế hoạch – Tài chính (Board of Planning and Finance)

Ban Biên tập tin đối ngoại (Board of News for Foreign Service)

Ban Biên tập tin trong nước (Board of Domestic News)

Ban Biên tập tin kinh tế (Board of Economic News)

Ban Biên tập tin thế giới (Board of World News)

Trung tâm thông tin tư liệu (Database-Documentation Center)

Trung tâm tin học (Informatics Centre)

Trung tâm Bồi dưỡng nghiệp vụ Thông tấn (Vietnam News Agency Professional Training Centre)

Cơ quan Thông tấn xã Việt Nam khu vực phía Nam (Representative Office in the South of Vietnam)

Cơ quan Thông tấn xã Việt Nam khu vực Miền Trung – Tây Nguyên (Representative Office in the Centre-Tay Nguyen)

Ban Biên tập ảnh (Pictorial Editorial Board)

Văn phòng Thông tấn xã (The administrative Affair Office)

Ban Biên tập - Sản xuất ảnh báo chí (Press Photo Production and Editorial Board)

Trung tâm phát triển truyền thông thông tấn (*News Agency Communication Development Centre*)

Trung tâm hợp tác quốc tế thông tấn (*Vietnam News Agency International Cooperation Centre*)

Trung tâm truyền hình thông tấn (*Vietnam News Agency Audio-Video Centre*)

Trung tâm kỹ thuật thông tấn (*Vietnam News Agency Technical Centre*)

2. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (*Ho Chi Minh National Academy of Politics*)

Vụ Tổ chức cán bộ (*Department of Personnel and Organization*)

Vụ Quản lý khoa học (*Department of Scientific Management*)

Ban Thanh tra (*Board of Inspection*)

Vụ Hợp tác quốc tế (*Department of International Cooperation*)

Vụ Quản lý đào tạo (*Department of Training Management*)

Vụ các trường chính trị (*Department of Provincial Political Schools*)

Viện Quan hệ quốc tế (*Institute of International Relations*)

Viện Nhà nước và Pháp luật (*Institute of State and Law*)

Viện Triết học (*Institute of Philosophy*)

Viện Chính trị học (*Institute of Political Sciences*)

Viện Văn hóa và Phát triển (*Institute of Culture and Development*)

Viện Nghiên cứu quyền con người (*Institute of Human Right Studies*)

Viện Kinh tế (*Institute of Economics*)

Tạp chí Lý luận chính trị (*Journal of Political Theory*)

Viện Lịch sử Đảng (*Institute of the CPV History*)

Viện Hồ Chí Minh và các Lãnh tụ của Đảng (*Institute of Ho Chi Minh and the CPV's Leaders' Studies*)

Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học (*Institute of Scientific Socialism*)

Viện Xã hội học (*Institute of Sociology*)

Vụ Kế hoạch – Tài chính (*Department of Planning and Finance*)

Văn phòng Học viện (*Office of the Academy*)

3. Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (*Vietnam Academy of Social Sciences*)

Nhà xuất bản Khoa học xã hội (*Social Sciences Publishing House*)

Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á (*Institute of Indian and Southwest Asian Studies*)

Trung tâm Phân tích và Dự báo (*Centre for Analysis and Forecast*)

Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam (*Vietnam Social Sciences Review*)

Viện Nghiên cứu con người (*Institute of Human Studies*)

Viện Nghiên cứu Tôn giáo (*Institute for Religious Studies*)

Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á (*Vietnam Institute for Northeast Asian Studies*)

Viện Nghiên cứu Châu Mỹ (*Vietnam Institute of American Studies*)

Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam (*Vietnam Museum of Ethnology*)

Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông (*Institute of African and Middle East Studies*)

Viện Nghiên cứu Trung Quốc (*Vietnam Institute of Chinese Studies*)

Trung tâm *Ứng dụng Công nghệ thông tin* (*Center for Information Technology*)
Viện Nghiên cứu Văn hóa (*Institute of Cultural Studies*)
Viện Sử học (*Institute of History*)
Viện Nhà nước và Pháp luật (*Institute of State and Law*)
Viện Dân tộc học (*Institute of Anthropology*)
Viện Nghiên cứu Đông Nam Á (*Institute for Southeast Asian Studies*)
Viện Triết học (*Institute of Philosophy*)
Viện Xã hội học (*Institute of Sociology*)
Viện Nghiên cứu Châu Âu (*Institute for European Studies*)
Viện Tâm lý học (*Institute of Psychology*)
Viện Văn học (*Vietnam Institute of Literature*)
Viện Kinh tế Việt Nam (*Vietnam Institute of Economics*)
Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam (*Vietnam Institute of Lexicography and Encyclopedia (VIOLE)*)
Viện Kinh tế và Chính trị thế giới (*Institute of World Economics and Politics*)
Viện Nghiên cứu Hán – Nôm (*Institute of Han - Nom Studies*)
Học viện Khoa học xã hội (*Graduate Academy of Social Sciences*)
Viện Khảo cổ học (*Institute of Archaeology*)
Viện Thông tin Khoa học xã hội (*Institute of Social Sciences Information*)
Ban Tổ chức cán bộ (*Department of Personnel and Organization*)
Ban Kế hoạch – Tài chính (*Department of Finance and Plan*)
Ban Quản lý Khoa học (*Department of Science Management*)
Ban Hợp tác quốc tế (*Department of International Cooperation*)
Văn phòng (*Head Office*)
Viện Gia đình và Giới (*Institute for Family and Gender studies*)
Viện Ngôn ngữ học (*Institute of Linguistics*)
Trung tâm nghiên cứu Kinh thành (*The Center for Imperial City Research*)
Ban Thi đua và khen thưởng (*Emulation and Reward Department*)
Viện địa lý nhân văn (*Institute of human Geography*)
Trung tâm nghiên cứu Chính sách phát triển bền vững (*The Centre for Sustainable Development Policy Studies*)
Trung tâm nghiên cứu và tư vấn về phát triển (*The Centre for Development consultancy and Studies*)

4. Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (*Vietnam Academy of Science and Technology*)

Viện Toán học (*Institute of Mathematics*)
Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ (*Publishing House for Science and Technology*)
Viện Vật lý *Ứng dụng* và Thiết bị khoa học (*Institute of Applied Physics and Scientific Instruments*)
Viện Cơ học và Tin học ứng dụng (*Institute of Applied Informatics and Mechanics*)
Viện Công nghệ hóa học (*Institute of Chemical Technology*)

Viện Khoa học vật liệu ứng dụng (Institute of Applied Materials Science)
Viện Sinh học nhiệt đới (Institute of Tropical Biology)
Viện Khoa học năng lượng (Institute of Energy Science)
Văn phòng, bao gồm văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh (Administration Office, including Representative Offices in HoChiMinh city)
Viện Công nghệ thông tin (Institute of Information Technology)
Viện Cơ học (Institute of Mechanics)
Viện Vật lý địa cầu (Institute of Geophysics)
Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (Institute of Ecology and Biological Resources)
Viện Tài nguyên và Môi trường biển (Institute of Marine Environment and Resources)
Viện Sinh học Tây Nguyên (Tay Nguyen Institute of Biology)
Viện Hải dương học (Institute of Oceanography)
Viện Nghiên cứu và Ứng dụng công nghệ Nha Trang (Nha Trang Institute of Technology Research and Application)
Viện Vật lý (Institute of Physics)
Viện Địa chất và Địa vật lý biển (Institute of Marine Geology and Geophysics)
Viện Công nghệ môi trường (Institute of Environmental Technology)
Viện Khoa học vật liệu (Institute of Materials Science)
Viện Hóa học (Institute of Chemistry)
Viện Hóa học các hợp chất thiên nhiên (Institute of Natural Products Chemistry)
Viện Công nghệ sinh học (Institute of Biotechnology)
Viện Địa lý (Institute of Geography)
Viện Địa chất (Institute of Geological Sciences)
Viện Kỹ thuật nhiệt đới (Institute of Tropical Technology)
Viện Công nghệ vũ trụ (Space Technology Institute)
Trung tâm tin học và Tính toán (Center for Information Infrastructure Development)
Viện Hóa sinh biển (Institute of Marine Biochemistry)
Ban Tổ chức cán bộ (Department of Personnel and Organization)
Ban Kế hoạch – Tài chính (Department of Finance and Plan)
Ban Hợp tác quốc tế (International Cooperation Department)
Ban Kiểm tra (Department of Inspection)
Ban Ứng dụng và triển khai công nghệ (Department of Application and Development Technology)

5. Bệnh viện Bạch Mai (Bach Mai Hospital)
6. Bệnh viện Chợ Rẫy (Cho Ray Hospital)
7. Bệnh viện Đa khoa Trung ương Huế (Hue Central Hospital)
8. Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên (Thai Nguyen National General Hospital)
9. Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ (Can Tho National Hospital)
10. Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quảng Nam (Quang Nam Central General Hospital)
11. Bệnh viện Việt Nam - Thụy Điển Uông Bí (Uong Bi Viet Nam – Sweden Hospital)
12. Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới (Vietnam – Cuba Donghoi Friendship Hospital)

13. Bệnh viện Hữu nghị Việt - Đức (Viet Duc Hospital)
14. Bệnh viện E (E Hospital)
15. Bệnh viện Hữu nghị (Friendship Hospital)
16. Bệnh viện Thống Nhất (Thong Nhat Hospital/ Unified Hospital)
17. Bệnh viện C Đà Nẵng (C Hospital)
18. Bệnh viện K (K Hospital)
19. Bệnh viện Nhi Trung ương (Vietnam National Hospital of Pediatrics)
20. Bệnh viện Phụ - Sản Trung ương (National Hospital of Obstetrics and Gynecology)
21. Bệnh viện Mắt Trung ương (The Vietnam National Institute of Ophthalmology)
22. Bệnh viện Tai - Mũi - Họng Trung ương (Hospital of Ear - Nose - Throat)
23. Bệnh viện Nội tiết Trung ương (National Hospital of Endocrinology)
24. Bệnh viện Răng - Hàm - Mặt Trung ương Hà Nội (National Hospital of Odonto - Stomatology)
25. Bệnh viện Răng - Hàm - Mặt Trung ương thành phố Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Hospital of Odonto - Stomatology)
26. Bệnh viện 71 Trung ương (Central 71 Hospital)
27. Bệnh viện 74 Trung ương (Central 74 Hospital)
28. Bệnh viện Phổi Trung ương (National Hospital of Lung Diseases)
29. Bệnh viện Tâm thần Trung ương 1 (National Psychiatric Hospital no.1)
30. Bệnh viện Tâm thần Trung ương 2 (National Metal Hospital 2)
31. Bệnh viện Phong - Da liễu Trung ương Quy Hòa (Quyhoa National Leprosy Dermatology Hospital)
32. Bệnh viện Phong - Da liễu Trung ương Quỳnh Lập (Quynh Lap National Leprosy Dermatology Hospital)
33. Bệnh viện Điều dưỡng - Phục hồi chức năng Trung ương (Hospital of Nursing - Rehabilitation)
34. Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương (National Hospital of Tropical Diseases)
35. Bệnh viện Da liễu Trung ương (National Hospital of Dermatology and Venereology)
36. Bệnh viện Lão khoa Trung ương (Hospital of Geriatric)
37. Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương (National Hospital of Traditional Medicine)
38. Bệnh viện Châm cứu Trung ương (National Hospital of Acupuncture)
39. Tập đoàn Điện lực Việt Nam (Vietnam Electricity)
 - Tổng công ty điện lực miền Bắc (Northern Power Corporation)
 - Tổng công ty điện lực miền Trung (Central Power Corporation)
 - Tổng công ty điện lực miền Nam (Southern Power Corporation)
 - Tổng công ty điện lực TP Hà Nội (Hanoi City Power Corporation)
 - Tổng công ty điện lực TP Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh City Power Corporation)
 - Tổng công ty truyền tải điện quốc gia (National Power Transmission Company)

40. Tổng công ty Đường sắt Việt Nam (Vietnam Railways)

- a) Tổng công ty Đường sắt Việt Nam (Vietnam Railways)

Văn phòng Đường sắt Việt Nam (Office of Vietnam Railways)
 Ban Kiểm soát nội bộ (Board of Control)

- Ban Bảo vệ - An ninh - Quốc phòng (Board of Security and National Defense)*
 - Ban Chuẩn bị đầu tư các dự án đường sắt (Board of Railways Project Investment)*
 - Ban Vận tải và đầu máy toa xe (Board of Transportation and Locomotives)*
 - Ban Kế hoạch kinh doanh (Board of Business Planning)*
 - Ban Hợp tác quốc tế và Khoa học công nghệ (Board of International Cooperation and Science and Technology)*
 - Ban Quản lý đầu tư & Xây dựng (Board of Construction and Investment Management)*
 - Ban Tài chính kế toán (Board of Finance and Accounting)*
 - Ban Tổ chức cán bộ - Lao động (Board of Organisation and Personnel)*
 - Ban Quản lý Kết cấu hạ tầng Đường sắt (Board of Railways Infrastructure Management)*
 - Văn phòng Đại diện Tổng công ty ĐSVN tại Đà Nẵng (Representative Office in Da Nang)*
- b) Công ty Vận tải hành khách đường sắt Hà Nội (HaNoi Railway Passenger Transport Company)
 - c) Công ty Vận tải hành khách đường sắt Sài Gòn (SaiGon Railway Passenger Transport Company)
 - d) Công ty TNHH MTV QLĐS Hà Hải (HaHai Railway Management One Member Limited Company)
 - e) Công ty TNHH MTV QLĐS Hà Thái (HaThai Railway Management One Member Limited Company)
 - f) Công ty TNHH MTV QLĐS Yên Lào (YenLao Railway Management One Member Limited Company)
 - g) Công ty TNHH MTV QLĐS Hà Lang (HaLang Railway Management One Member Limited Company)

41. Đại học Quốc gia Hà Nội (Vietnam National University - Hanoi)

42. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (Vietnam National University - Ho Chi Minh City)

Notes to Section C:

1. For Vietnam News Agency, Ho Chi Minh National Academy of Politics, Vietnam Academy for Social Sciences, Vietnam Academy for Science and Technology, Vietnam Electricity and Vietnam Railways, this Chapter shall apply only to the procurement made by the above-mentioned entities subordinate or subsidiary to the relevant procuring entities.
2. Ho Chi Minh National Academy of Politics: This Chapter shall not apply to procurement of restoration services of Ho Chi Minh National Academy of Politics.
3. Vietnam News Agency: This Chapter shall not apply to any procurement in relation to news and documentary production of Vietnam News Agency.
4. Notes to Vietnam Electricity:
 - a) Notwithstanding the definition of government procurement in this Chapter, this Chapter shall apply only to the procurement of goods and services covered by Article 1 and Article 3 under the Public Procurement Law No.43/2013/QH13 dated 26 November 2013 or any corresponding provisions in successor legislation with respect to transport and distribution of electricity;

b) Procurement for the pursuit of transport and distribution of electricity when exposed to competitive forces in the market concerned are not covered by this Chapter;

c) This Chapter does not cover procurement:

- for purposes other than the pursuit of transport and distribution of electricity;

- for purposes of re-sale or hire to third parties, provided that the procuring entity enjoys no special or exclusive right to sell or hire the subject of such contracts and other entities are free to sell or hire it under the same conditions as the procuring entity.

5. Notes to Vietnam Railways:

a) Notwithstanding the definition of government procurement in this Chapter, this Chapter shall apply only to the procurement of goods and services covered by Article 1 and Article 3 under the Public Procurement Law No.43/2013/QH13 dated 26 November 2013 or any corresponding provisions in successor legislation with respect to railways construction and operation;

b) Procurement for the pursuit of railways construction and operation when exposed to competitive forces in the market concerned are not covered by this Chapter;

c) This Chapter does not cover procurement:

- for purposes other than the pursuit of railways construction and operation;

- for purposes of re-sale or hire to third parties, provided that the procuring entity enjoys no special or exclusive right to sell or hire the subject of such contracts and other entities are free to sell or hire it under the same conditions as the procuring entity.

6. For greater certainty, this Chapter shall not apply to procurement by any entity with independent legal personality that is not listed in this Section.

SECTION D: Goods

This Chapter covers the procurement of all goods procured by the entities listed in Section A through C, subject to the Notes to the respective Sections and the General Notes, except for goods indicated in the lists below:

HS	Description
10.06	Rice
27.09	Petroleum oils and oils obtained from bituminous minerals, crude.
27.10	Petroleum oils and oils obtained from bituminous minerals, other than crude; preparations not elsewhere specified or included, containing by weight 70% or more of petroleum oils or of oils obtained from bituminous minerals, these oils being the basic constituents of the preparations; waste oils.
49.01	Printed books, brochures, leaflets and similar printed matter, whether or not in single sheets
49.02	Newspapers, journals and periodicals, whether or not illustrated or containing advertising material
49.05	Maps and hydrographic or similar charts of all kinds, including atlases, wall maps, topographical plans and globes, printed
49.07	Unused postage, revenue or similar stamps of current or new issue in the country in which they have, or will have, a recognised face value; stamp-impressed paper; banknotes; cheque forms; stock, share or bond certificates and similar documents of title.
84.71	Automatic data processing machines and units thereof; magnetic or optical readers, machines for transcribing data onto data media in coded form and machines for processing such data, not elsewhere specified or included.
8517.61	Base stations
8525.50	Transmission apparatus
8525.60	Transmission apparatus incorporating reception apparatus
85.26	Radar apparatus, radio navigational aid apparatus and radio remote control apparatus.
8527.13	Other apparatus combined with sound recording or reproducing apparatus
8527.19	Reception apparatus capable of planning, managing and monitoring the electromagnetic spectrum Recorded discs, tapes, solid-state non-volatile storage devices, “smart cards” and other media for the recording of sound or of other phenomena.

Note to Section D:

For pharmaceutical products, the following notes apply:

1. For each calendar year following the date of entry into force of this Agreement, Vietnam may set aside from the obligations of this Chapter the respective percentage of contract value of pharmaceutical products as below:

Year	1 st -2 nd	3 rd – 9 th	10 th – 15 th	16 th onward
Percentage of contract value	100	65	60	50

2. This Chapter does not cover procurement of distribution services of pharmaceutical products that form a procurement contract or form a part of, or are incidental to, a procurement contract. In case these services form a part of, or are incidental to a procurement contract, the successful supplier of that procurement shall have the right to choose any licensed pharmaceutical distributor in Vietnam.

3. Regarding the procurement of pharmaceutical products by entities listed in section A, B and C, if a procurement contract concerns a single pharmaceutical product, the applicable threshold shall be 130 000 SDR.

4. For greater certainty, Vietnam's commitments with respect to the procurement of pharmaceutical products cover both procurement by individual procuring entities under section A to C and centralized procurement conducted on behalf of these entities by Ministry of Health or any other designated entity referred to in Vietnam's domestic legislation.

SECTION E: **Services**

The following services, as elaborated in the Provisional Central Product Classification, are offered (others being excluded):

CPC code	Description
61	Sale, maintenance and repair services of motor vehicles and motorcycles
64	Hotel and restaurant services
841	Consultancy services related to the installation of computer hardware
845	Maintenance and repair services of office machinery and equipment including computers
849	Other computer services
862	Accounting, auditing and book-keeping services
863	Taxation services
864	Market research and public opinion polls
872	Placement and supply services of personnel
874	Building-cleaning services
87501	Portrait photography services
87503	Action photography services
87504	Specialty photography services
87505	Photography processing services
87506	Motion picture processing services to the motion picture and television industries
87507	Restoration, copying and retouching services of photography
87509	Other photographic services
876	Packaging services
87903	Telephone answering services
87904	Duplicating services
87905	Translation and interpretation services
87906	Mailing list compilation and mailing services
980	Private households with employed persons
99	Services provided by extraterritorial organizations and bodies

Note to Section E:

For greater certainty, this Chapter shall not apply to:

1. any procurement of services associated with the management and operation of government facilities and all privately owned facilities used for government purposes;
2. any procurement of public utilities services;

SECTION F: Construction Works

This Chapter covers all construction services procured by the entities listed in Section A, Section B and Section C listed in Division 51 of the Provisional Central Product Classification (CPC), except for the construction services excluded in the Schedule of the Party, subject to the Notes to the respective Sections, the General Notes, and the Notes to this Section.

Notes to Section F:

This Chapter shall not cover the procurement of:

1. Construction in remote mountainous and extremely difficult areas as stipulated in Vietnam's regulations and on islands;
2. For section A entities, construction of ministerial level headquarters.

SECTION G: General Notes

I. This Chapter shall not apply to:

1. any procurement for the purposes of developing, protecting or preserving national treasures of artistic, historic, archaeological value or cultural heritage;
2. procurement of any goods and related services involving national reserves stipulated in the law on national reserves;
3. in relation to procurement contracts for goods and/or services (excluding construction services), whose value is estimated at 260,000 SDRs or less, Vietnam may provide preferences to benefit small and medium enterprises (SMEs). Applicable objective and transparent criteria shall be stipulated in the domestic law or regulations of Vietnam. For the purposes of this note, however, the above-mentioned preferences shall not be provided to SMEs with more than 500 permanent full-time employees;
4. measures for the health, welfare and the economic and social advancement of ethnic minorities;
5. any procurement of goods and services inside the territory of Vietnam, for the consumption outside the territory of Vietnam;
6. any procurement of goods and services involving national celebrations and religious purposes;
7. transportation services that form a part of, or are incidental to, a procurement contract;
8. procurement of storage or hosting of government data and related services;
9. procurement funded by grants and sponsorship payments from donors.

II. For Greater certainty

1. Limited tendering shall apply also to bomb and mine sweeping for land clearance;
2. Any exclusion that is related either specifically or generally to a procuring entity will also apply to any successor entity in such a manner as to maintain the value of this offer;
3. Services covered by this Chapter are subject to exclusions from and reservations to the Chapters under the Title Trade in Services, Investment and E-Commerce;
4. Nothing in this Chapter shall be construed to prevent Vietnam from adopting or maintaining any measure which Vietnam reasonably considers necessary for the protection of personal information collected under conditions of confidentiality or confidential business information;
5. This Chapter does not apply to procurement of goods and services classified as national security, including national secrets;
6. This Chapter does not apply to any procurement made by a covered entity on behalf of a non-covered entity;
7. This Chapter does not apply to procurement by a procuring entity from another procuring entity.

SECTION H

Procurement Information

Notice of Intended Procurement is published in *Báo Đấu thầu* (Public Procurement Newspaper) .

Information on the procurement system is currently published on the website <http://muasamcong.mpi.gov.vn> and the official gazette. Vietnam shall provide the address of website to publish procurement information after transitional period.

Transitional Measures

1. Article VI (Notices): Notwithstanding the requirement in Article VI.1 that the notices of intended procurement are accessible by electronic means free of charge through a single point of access or links in a single gateway electronic site, Vietnam may allow its procuring entities not to publish these notices by electronic means no longer than ten years from the entry into force of this Agreement. Vietnam may charge a fee for the access to these notices of intended procurement, when these notices are already made accessible by electronic means during this period.
2. Article VI (Notices): Notwithstanding the requirement in Article VI.2 that a notice of intended procurement includes a list and a brief description of any conditions for participation of suppliers and limitations on the number of qualified supplier to be invited to tender, unless such information is included in tender documentation that is made available to all interested suppliers at the same time as the notice of intended procurement, Vietnam may allow its procuring entities to omit such information from notices of intended procurement no longer than ten years from the entry into force of this Agreement. For greater certainty, during this period, procuring entities shall provide such information in tender documentation in accordance with Article X.1 (b).
3. Article VI (Notices): Notwithstanding the requirement in Article VI.3 that a procuring entity publishes a summary notice in English, Vietnam may delay the implementation of this obligation for five years after the entry into force of this Agreement.
4. Article XI (Time Periods): Notwithstanding the requirement in Article XI.2 that a procuring entity using selective tendering provides no less than 25 days for the final date for submission of requests for participation, Vietnam may allow its procuring entities to establish a final date for submission of requests for participation that is not less than 15 days from the date of publication of the notice of intended procurement no longer than ten years from the entry into force of this Agreement.
5. Article XI (Time Periods): Notwithstanding the requirement in Article XI.3 that a procuring entity provides no less than 40 days for the final date for submission of tenders, Vietnam may allow its procuring entities to establish a final date for submission of tenders that is not less than 25 days from the date on which:
 - (a) in the case of open tendering, the notice of intended procurement is published; or
 - (b) in the case of selective tendering, the entity notifies the suppliers that they will be invited to submit tenders;no longer than ten years from the entry into force of this Agreement.
6. Article XVI (Post Award Information): Notwithstanding the requirement in Article XVI.3 that the post-award notice includes a brief description of the circumstances justifying the use of a limited tendering procedure, Vietnam may allow its procuring entities to omit such information from post-award notices no longer than ten years from the entry into force of this Agreement.
7. Notwithstanding Chapter.X (Dispute Settlement), Vietnam shall not be subject to dispute settlement with respect to its obligations under Chapter.X (Government Procurement) for five years from the date of entry into force of this Agreement. During this transitional period, upon the EU's

request, both Parties shall enter into consultations on issues concerning Vietnam's implementation of its obligations.

Offset

Notwithstanding Article.X (Offset), Vietnam is allowed to seek, take account of, impose or enforce any form of offsets at any stage of a procurement as follows:

Upon the entry into force of this Agreement, Vietnam may request offsets in any form, including price preference program, up to 40 per cent of the contract value, going down to 30 per cent after 10 years until the end of the 18th year.

For greater certainty, procuring entities shall indicate the existence of offsets in the notice of intended procurement and make it detailed in the tender documentation.